TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 234/2026/QĐST-VDS	*Sơn La, ngày 21 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNHCÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔNVÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 334/2026/VDS-HNGĐ ngày 07/4/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Cà Văn T, sinh ngày 28/4/1994. Căn cước công dân số 0140. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Bản Bó, xã C, tỉnh Sơn La.

- Chị Cà Thị P, sinh ngày 12/9/2000. Căn cước công dân số 0143. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Bản Bó, xã C, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Cà Văn T và chị Cà Thị P kết hôn với nhau vào năm 2019 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ép buộc. Anh chị được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là xã C, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/8/2019. Sau khi kết hôn một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hòa thuận. Hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không ai quan tâm đến nhau, không hàn gắn được tình cảm. Nay anh chị xác định vợ chồng không thể quay lại chung sống nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, anh T, chị P xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh T và chị P có 03 con chung là cháu Cà Thị Hương T1, sinh ngày 07/11/2017; cháu Cà Việt A, sinh ngày 18/11/2019 và cháu Cà Thị Quỳnh C, sinh ngày 14/8/2022. Hai anh chị thoả thuận giao các cháu T1, Việt A, C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu T1, Việt A, C trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh T và chị P xác nhận tự thoả thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh T và chị P xác nhận không có nợ chung vợ chông.

[5] Về lệ phí tòa án: Anh Cà Văn T và chị Cà Thị P đề nghị được miễn lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn do là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về con, tài sản, nợ chung khi ly hôn ngày 13 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Cà Văn T và chị Cà Thị P.

- Về con chung: Anh T và chị P có 03 con chung là cháu Cà Thị Hương T1, sinh ngày 07/11/2017; cháu Cà Việt A, sinh ngày 18/11/2019 và cháu Cà Thị Quỳnh C, sinh ngày 14/8/2022. Hai anh chị thoả thuận giao các cháu T1, Việt A, C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu T1, Việt A, C trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Anh T, chị P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, chị P được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền cản trở chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung**:** Anh T, chị P tự thống nhất thoả thuận và không yêu cầu

Toà án giải quyết.

- Về nợ chung : Không có.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Cà Văn T và chị Cà Thị P được miễn toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4 – Sơn La;
- Phòng Thi hành án dân sự KV4;
- UBND xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Phương Thúy